

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành tại Quyết định số: 132/QĐ-DHTD ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô*)

Tên chương trình đào tạo : **Cử nhân Marketing**

Mã số : **7340115**

Tên ngành đào tạo : **Marketing**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Marketing theo hướng ứng dụng nhằm đào tạo các cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, kiến thức ngoại ngữ thông thạo để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các công việc liên quan đến Marketing trong môi trường quốc tế và hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Marketing phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tố chất, để người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến chuyên ngành đào tạo ở các doanh nghiệp nước ngoài, liên doanh, tập đoàn, doanh nghiệp có quy mô lớn và hoạt động sản xuất - kinh doanh đa quốc gia.

##### ▪ Kiến thức

**G1.** Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán...

**G2.** Người học được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành Marketing để hoạch định, thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động marketing tại các doanh nghiệp trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

**G3.** Người học được trang bị kiến thức để giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ



chức liên quan đến hoạt động marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, sản xuất – kinh doanh.

▪ **Kỹ năng**

**G4.** Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành quản trị marketing trong doanh nghiệp và các tổ chức.

**G5.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán – thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

**G6.** Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi,...

**G7.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch marketing, bán hàng.

**G8.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

**G9.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**G10.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

▪ **Thái độ**

**G11.** Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

**G12.** Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội..

▪ **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp**

– Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: marketing, phát triển thị trường, quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường,... và trong thời gian ngắn có thể đảm nhận được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận.

– Nơi làm việc:

- Các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, doanh nghiệp tổ chức quy mô lớn, đa quốc gia.

- Các tổ chức chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận.

- Hoặc có khả năng tự khởi tạo doanh nghiệp, tự doanh.

- Đủ điều kiện tiếp tục chuyển tiếp theo học sau đại học, đặc biệt du học nước ngoài hoặc tham gia chuyển tiếp sau đại học với các tổ chức đào tạo quốc tế hợp tác với nhà trường.

## 2. Chuẩn đầu ra

- *Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;*
- *Căn cứ Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học.*
- *Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.*
- *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
- *Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.*

### 2.1 Kiến thức

#### 2.1.1 Kiến thức chung

**K1.**Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên, phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế;

**K2.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

#### 2.1.2 Kiến thức chuyên môn

**K3.** Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, thị trường, các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về marketing như: nghiên cứu thị trường, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, thương hiệu, marketing hỗn hợp, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược, kế hoạch marketing ...;

**K4.** Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, Marketing tại các doanh nghiệp;

**K5.** Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược marketing trong doanh nghiệp.

### 2.2 Kỹ năng

### **2.2.1 Kỹ năng mềm**

**S6.** Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế;

**S7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

### **2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp**

**S8.** Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động Marketing trong doanh nghiệp;

**S9.** Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

**S10.** Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động Marketing trong doanh nghiệp;

**S11.** Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng;

**S12.** Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

**S13.** Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### **2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm**

**C14.** Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân;

**C15.** Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

**3. Thời gian đào tạo: 4,0 năm.**

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ** (đã bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

**5. Đối tượng, phương thức tuyển sinh, học phí**

Theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-GBDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### 6.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

### 6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## 7. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10 theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-GBDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần): 140 tín chỉ (TC)

<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>141</b>
1	Kiến thức giáo dục đại cương	<b>46</b>
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	<b>83</b>
	Trong đó:	
2	- Kiến thức cơ sở khối ngành	23
	- Kiến thức ngành	42
	- Kiến thức tự chọn	18
3	- Thực tập tốt nghiệp	
	- Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	12

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	BT/TH
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>35 TC + II TC</b>		
1	0301001769	Triết học Mac - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1**	1		1
12	0301000660	Giáo dục thể chất 2**	1		1
13	0301001030	Giáo dục thể chất 3**	1		1
14	0301000650	Giáo dục quốc phòng**	8		8
15	0301000668	Toán cao cấp	3	3	
16	0301001080	Toán kinh tế	3	2	1
17	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>			<b>23 TC</b>		
1	0301000236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	2	1

3	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
4	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	2	1
5	0301000687	Thuế	2	1	1
6	0301000446	Quản trị học	3	2	1
7	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
8	0301000390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
<b>Kiến thức ngành</b>			<b>72 TC</b>		
<b>1. Phần bắt buộc</b>			<b>42 TC</b>		
1	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	
2	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
4	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3	
5	0301001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
6	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
7	0301000438	Quản trị bán hàng	3	2	1
8	0301001852	Quản trị Marketing 1	3	2	1
9	0301001853	Quản trị Marketing 2	2	1	1
10	0301001845	Marketing công nghiệp	2	1	1
11	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	2	1
12	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
13	0301000314	Marketing quốc tế	2	2	
14	0301000459	Quản trị sản xuất	3	2	1
15	0301001854	Thực tập nghề nghiệp	4		4
<b>2. Phần tự chọn</b>			<b>18 TC</b>		
1	0301001833	Marketing ứng dụng	3	2	1
2	0301000460	Quản trị tài chính	3	2	1
3	030101247	Lập và phân tích dự án	3	2	1
4	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	1	1
5	0301000439	Quản trị chất lượng	3	2	1
6	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	2	1
7	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
8	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	2	
9	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1

10	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
11	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	1	1
12	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	2	1
13	0301000457	Quản trị rủi ro	2	1	1
14	0301001186	Quản trị sự thay đổi	2	2	
15	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	
16	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2	
17	0301001757	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
18	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	1	1
19	0301001846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
20	0301001847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	2	
21	0301001833	Thị trường tài chính	2	2	
22	0301000499	Lý thuyết bảo hiểm	2	2	
23	0301001848	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1

**3. Tốt nghiệp:**

**12 TC**

1	0301001855	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2	0301001856	2.1 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp	8		8
		2.2 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
	0301001857	2.2.1 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	2	2

**9. Kế hoạch giảng dạy**

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
<b>HỌC KỲ 1</b>							
1	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
2	Tin học căn bản	3	45			3	90
3	Giáo dục thể chất 1**	1	15			1	30
4	Giáo dục quốc phòng**	8	120			8	240
5	Toán cao cấp	3	45	3	45		

6	Quản trị học	3	45	2	30	1	30
	Cộng	11+9	300	7	75	13	390

### HỌC KỲ 2

1	Thống kê kinh doanh	3	45	2	30	1	30
2	Kinh tế vi mô	3	45	2	30	1	30
3	Giáo dục thể chất 2**	1	15			1	30
4	Nguyên lý Marketing	3	45	2	30	1	30
5	Triết học Mac - Lê nin	3	45	3	45		
6	Luật kinh tế	2	30	2	30		
7	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	4	60		
	Cộng	18+1	285	15	225	4	120

### HỌC KỲ 3

1	Nguyên lý kế toán	3	45	2	30	1	30
2	Kinh tế chính trị Mac - Lê nin	2	30	2	30		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
4	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	4	60		
5	Kinh tế vĩ mô	3	45	2	30	1	30
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	1	15	1	30
7	Giáo dục thể chất 3**	1	15			1	30
	Cộng	16+1	255	13	195	4	120

### HỌC KỲ 4

1	Thuế	2	30	1	15	1	30
2	Toán kinh tế	3	45	2	30	1	30
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	2	30		
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	45	2	30	1	30
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	3	45		
6	Nghiên cứu Marketing	3	45	2	30	1	30
	Cộng	16	240	11	165	5	150

### HỌC KỲ 5

1	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	45	3	45		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		

3	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45	3	45		
4	Quản trị sản xuất	3	45	2	30	1	30
5	Quản trị Marketing 1	3	45	2	30	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
6	Thanh toán quốc tế	3	45	2	30	1	30
7	Quản trị hệ thống thông tin	2	30	1	15	1	30
8	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	45	3	45		
9	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	30	2	30		
10	Thị trường tài chính	2	30	2	30		
11	Lý thuyết bảo hiểm	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>300</b>				

### HỌC KỲ 6

1	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	45	2	30	1	30
2	Marketing quốc tế	2	30	2	30		
3	Thực tập nghề nghiệp	4	60			4	120
4	Truyền thông Marketing	3	45	2	30	1	30
5	Quản trị Marketing 2	2	30	1	15	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
6	Quản trị tài chính	3	45	2	30	1	30
7	Marketing ứng dụng	3	45	2	30	1	30
8	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	1	15	1	30
9	Quản trị chất lượng	3	45	2	30	1	30
10	Nhượng quyền thương mại	2	30	2	30		
11	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	2	30	1	30
12	Marketing du lịch	2	30	2	30		
13	Quản trị cung ứng và Logistic	3	45	2	30	1	30
14	Quản trị sự thay đổi	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>285</b>				

### HỌC KỲ 7

1	Quản trị bán hàng	3	45	2	30	1	30
2	Marketing công nghiệp	2	30	1	15	1	30
3	Quản trị thương hiệu	3	45	2	30	1	30

4	Quản trị chiến lược	3	45	2	30	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
5	Lập và phân tích dự án	3	45	2	30	1	30
6	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	45	2	30	1	30
7	Quản trị rủi ro	2	30	1	15	1	30
8	Giao tiếp trong kinh doanh	2	30	2	30		
9	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30	1	15	1	30
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>				

### HỌC KỲ 8

1	Thực tập tốt nghiệp	<b>4</b>					<b>240</b>
	<b>Loại hình 1:</b>	<b>8</b>					
2	Khóa luận tốt nghiệp	8					<b>240</b>
	<b>Loại hình 2:</b>	8					
3	Tiêu luận tốt nghiệp	4					<b>120</b>
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4					
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>60</b>
4	Quản trị doanh nghiệp	2	30	1	15	1	30
5	Khởi sự kinh doanh	2	30	1	15	1	30
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	1	15	1	30
	Marketing tổng hợp	2	30	1	15	1	30
	<b>Cộng</b>	<b>12</b>					

### 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 đổi với học phần thực tập/ thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

#### 10.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung

của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

### **10.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **10.3. Đối với sinh viên**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành tại Quyết định số: 132/QĐ-ĐHTĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô*)

Tên chương trình đào tạo : **Cử nhân Marketing**

Mã số : **7340115**

Tên ngành đào tạo : **Marketing**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Marketing theo hướng ứng dụng nhằm đào tạo các cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, kiến thức ngoại ngữ thông thạo để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các công việc liên quan đến Marketing trong môi trường quốc tế và hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Marketing phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tố chất, để người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến chuyên ngành đào tạo ở các doanh nghiệp nước ngoài, liên doanh, tập đoàn, doanh nghiệp có quy mô lớn và hoạt động sản xuất - kinh doanh đa quốc gia.

##### ▪ Kiến thức

**G1.** Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, quản trị kinh doanh, tài chính, kế toán...

**G2.** Người học được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành Marketing để hoạch định, thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động marketing tại các doanh nghiệp trong điều kiện môi trường luôn thay đổi.

**G3.** Người học được trang bị kiến thức để giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ



chức liên quan đến hoạt động marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, sản xuất – kinh doanh.

▪ **Kỹ năng**

**G4.** Kỹ năng phân tích, đánh giá vấn đề liên quan đến vận hành quản trị marketing trong doanh nghiệp và các tổ chức.

**G5.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán – thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp và tổ chức.

**G6.** Kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến quản trị kinh doanh, marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng, hậu mãi,...

**G7.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch marketing, bán hàng.

**G8.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

**G9.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**G10.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

▪ **Thái độ**

**G11.** Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

**G12.** Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội..

▪ **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp**

– Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: marketing, phát triển thị trường, quảng cáo, quan hệ công chúng, bán hàng, chăm sóc khách hàng, nghiên cứu thị trường,... và trong thời gian ngắn có thể đảm nhận được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp và cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận.

– Nơi làm việc:

- Các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài, doanh nghiệp tổ chức quy mô lớn, đa quốc gia.
- Các tổ chức chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận.
- Hoặc có khả năng tự khởi tạo doanh nghiệp, tự doanh.

- Đủ điều kiện tiếp tục chuyên tiếp theo học sau đại học, đặc biệt du học nước ngoài hoặc tham gia chuyên tiếp sau đại học với các tổ chức đào tạo quốc tế hợp tác với nhà trường.

## 2. Chuẩn đầu ra

- Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Luật số: 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học.
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
- Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

### 2.1 Kiến thức

#### 2.1.1 Kiến thức chung

**K1.**Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên, phương pháp nghiên cứu khoa học để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế;

**K2.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

#### 2.1.2 Kiến thức chuyên môn

**K3.** Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, thị trường, các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kiến thức chuyên sâu về marketing như: nghiên cứu thị trường, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm, thương hiệu, marketing hỗn hợp, tổ chức thực hiện và đánh giá chiến lược, kế hoạch marketing ...;

**K4.** Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, Marketing tại các doanh nghiệp;

**K5.** Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược marketing trong doanh nghiệp.

### 2.2 Kỹ năng

### **2.2.1 Kỹ năng mềm**

**S6.** Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế;

**S7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

### **2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp**

**S8.** Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động Marketing trong doanh nghiệp;

**S9.** Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

**S10.** Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động Marketing trong doanh nghiệp;

**S11.** Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng;

**S12.** Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

**S13.** Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

### **2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm**

**C14.** Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân;

**C15.** Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

**3. Thời gian đào tạo: 4,0 năm.**

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ** (đã bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)

**5. Đối tượng, phương thức tuyển sinh, học phí**

Theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-GBDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo

- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

### 6.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHĐTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

### 6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-DHĐTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.

e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.

f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## 7. Thang điểm

Thực hiện đánh giá và cho điểm quá trình kiểm tra, thi học kỳ, thi tốt nghiệp theo thang điểm 10 theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-GBDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần): 140 tín chỉ (TC)

<b>Tổng số tín chỉ</b>		<b>141</b>
1	Kiến thức giáo dục đại cương	<b>46</b>
	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	<b>83</b>
	Trong đó:	
2	- Kiến thức cơ sở khối ngành	23
	- Kiến thức ngành	42
	- Kiến thức tự chọn	18
3	- Thực tập tốt nghiệp - Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	12

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	BT/TH
<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>35 TC + 11 TC</b>			
1	0301001769	Triết học Mac - Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3		3
11	0301001035	Giáo dục thể chất 1**	1		1
12	0301000660	Giáo dục thể chất 2**	1		1
13	0301001030	Giáo dục thể chất 3**	1		1
14	0301000650	Giáo dục quốc phòng**	8		8
15	0301000668	Toán cao cấp	3	3	
16	0301001080	Toán kinh tế	3	2	1
17	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	2	1
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành</b>		<b>23 TC</b>			
1	0301000236	Kinh tế vi mô	3	2	1
2	0301000898	Kinh tế vĩ mô	3	2	1

3	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	2	1
4	0301000367	Nguyên lý kế toán	3	2	1
5	0301000687	Thuế	2	1	1
6	0301000446	Quản trị học	3	2	1
7	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	1	1
8	0301000390	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	2	1
<b>Kiến thức ngành</b>			<b>72 TC</b>		
<b>1. Phần bắt buộc</b>			<b>42 TC</b>		
1	0301001619	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	
2	0301001620	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	2	1
4	0301000489	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3	
5	0301001832	Truyền thông Marketing	3	2	1
6	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	2	1
7	0301000438	Quản trị bán hàng	3	2	1
8	0301001852	Quản trị Marketing 1	3	2	1
9	0301001853	Quản trị Marketing 2	2	1	1
10	0301001845	Marketing công nghiệp	2	1	1
11	0301000461	Quản trị thương hiệu	3	2	1
12	0301000440	Quản trị chiến lược	3	2	1
13	0301000314	Marketing quốc tế	2	2	
14	0301000459	Quản trị sản xuất	3	2	1
15	0301001854	Thực tập nghề nghiệp	4		4
<b>2. Phần tự chọn</b>			<b>18 TC</b>		
1	0301001833	Marketing ứng dụng	3	2	1
2	0301000460	Quản trị tài chính	3	2	1
3	030101247	Lập và phân tích dự án	3	2	1
4	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	1	1
5	0301000439	Quản trị chất lượng	3	2	1
6	0301000493	Thanh toán quốc tế	3	2	1
7	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	2	1
8	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	2	
9	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	2	1

10	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
11	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	1	1
12	0301000443	Quản trị cung ứng và Logistic	3	2	1
13	0301000457	Quản trị rủi ro	2	1	1
14	0301001186	Quản trị sự thay đổi	2	2	
15	0301000605	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	3	
16	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	2	
17	0301001757	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
18	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	1	1
19	0301001846	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	1	1
20	0301001847	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	2	
21	0301001833	Thị trường tài chính	2	2	
22	0301000499	Lý thuyết bảo hiểm	2	2	
23	0301001848	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	1	1

### 3. Tốt nghiệp:

12 TC

1	0301001855	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2	0301001856	2.1 Thực hiện khóa luận tốt nghiệp	8		8
		2.2 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế			
	0301001857	2.2.1 Thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	4		4
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	2	2

### 9. Kế hoạch giảng dạy

STT	Tên học phần	Tổng cộng		Lý thuyết		Thực hành	
		Số TC	Tiết	Số TC	Tiết	Số TC	Tiết
<b>HỌC KỲ 1</b>							
1	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
2	Tin học căn bản	3	45			3	90
3	Giáo dục thể chất 1**	1	15			1	30
4	Giáo dục quốc phòng**	8	120			8	240
5	Toán cao cấp	3	45	3	45		

6	Quản trị học	3	45	2	30	1	30
	Cộng	11+9	300	7	75	13	390

### HỌC KỲ 2

1	Thống kê kinh doanh	3	45	2	30	1	30
2	Kinh tế vi mô	3	45	2	30	1	30
3	Giáo dục thể chất 2**	1	15			1	30
4	Nguyên lý Marketing	3	45	2	30	1	30
5	Triết học Mac - Lê nin	3	45	3	45		
6	Luật kinh tế	2	30	2	30		
7	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	4	60	4	60		
	Cộng	18+1	285	15	225	4	120

### HỌC KỲ 3

1	Nguyên lý kế toán	3	45	2	30	1	30
2	Kinh tế chính trị Mac - Lê nin	2	30	2	30		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
4	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	4	60	4	60		
5	Kinh tế vĩ mô	3	45	2	30	1	30
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	30	1	15	1	30
7	Giáo dục thể chất 3**	1	15			1	30
	Cộng	16+1	255	13	195	4	120

### HỌC KỲ 4

1	Thuế	2	30	1	15	1	30
2	Toán kinh tế	3	45	2	30	1	30
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	2	30		
4	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	45	2	30	1	30
5	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	3	45		
6	Nghiên cứu Marketing	3	45	2	30	1	30
	Cộng	16	240	11	165	5	150

### HỌC KỲ 5

1	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	45	3	45		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		

3	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	45	3	45		
4	Quản trị sản xuất	3	45	2	30	1	30
5	Quản trị Marketing 1	3	45	2	30	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
6	Thanh toán quốc tế	3	45	2	30	1	30
7	Quản trị hệ thống thông tin	2	30	1	15	1	30
8	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	45	3	45		
9	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	30	2	30		
10	Thị trường tài chính	2	30	2	30		
11	Lý thuyết bảo hiểm	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>300</b>				

### HỌC KỲ 6

1	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	45	2	30	1	30
2	Marketing quốc tế	2	30	2	30		
3	Thực tập nghề nghiệp	4	60			4	120
4	Truyền thông Marketing	3	45	2	30	1	30
5	Quản trị Marketing 2	2	30	1	15	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
6	Quản trị tài chính	3	45	2	30	1	30
7	Marketing ứng dụng	3	45	2	30	1	30
8	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	30	1	15	1	30
9	Quản trị chất lượng	3	45	2	30	1	30
10	Nhượng quyền thương mại	2	30	2	30		
11	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	2	30	1	30
12	Marketing du lịch	2	30	2	30		
13	Quản trị cung ứng và Logistic	3	45	2	30	1	30
14	Quản trị sự thay đổi	2	30	2	30		
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>285</b>				

### HỌC KỲ 7

1	Quản trị bán hàng	3	45	2	30	1	30
2	Marketing công nghiệp	2	30	1	15	1	30
3	Quản trị thương hiệu	3	45	2	30	1	30

4	Quản trị chiến lược	3	45	2	30	1	30
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>6</b>	<b>90</b>				
5	Lập và phân tích dự án	3	45	2	30	1	30
6	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	45	2	30	1	30
7	Quản trị rủi ro	2	30	1	15	1	30
8	Giao tiếp trong kinh doanh	2	30	2	30		
9	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30	1	15	1	30
	<b>Cộng</b>	<b>17</b>	<b>255</b>				

### HỌC KỲ 8

1	Thực tập tốt nghiệp	<b>4</b>					240
	<b>Loại hình 1:</b>	<b>8</b>					
2	Khóa luận tốt nghiệp	8					240
	<b>Loại hình 2:</b>	<b>8</b>					
3	Tiểu luận tốt nghiệp	4					120
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4					
	<b>Phần tự chọn:</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>2</b>	<b>30</b>	<b>2</b>	<b>60</b>
4	Quản trị doanh nghiệp	2	30	1	15	1	30
5	Khởi sự kinh doanh	2	30	1	15	1	30
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	1	15	1	30
	Marketing tổng hợp	2	30	1	15	1	30
	<b>Cộng</b>	<b>12</b>					

### 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 đổi với học phần thực tập/ thực hành

= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15.

#### 10.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung

của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

### **10.2. Đối với giảng viên**

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### **10.3. Đối với sinh viên**

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.

- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



HỘI TRƯỞNG